

Số: 654/BC-BDT

Bình Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá thực trạng vấn đề liên quan đến Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Ban Dân tộc báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

#### **1. Đánh giá kết quả thực hiện**

- Đối với chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư, tiêu thụ nông sản để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số Ban Dân tộc đã chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ miền núi phối hợp với các địa phương triển khai kịp thời và hiệu quả.

- Đối với Chính sách khoán bảo vệ rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số:

Năm 2022, thực hiện Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện khoán bảo vệ rừng cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số là 50.099,4 ha/1.304 hộ (*bình quân 38,42 ha/hộ*), tiền công giao khoán 200.000 đồng/ha/năm tổng kinh phí thực hiện 10.019,88 triệu đồng; Qua đó đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho các hộ đồng bào tham gia nhận khoán bảo vệ rừng. Từ đó, diện tích rừng tiếp tục được quản lý, bảo vệ tốt hơn, hạn chế tình trạng phá rừng làm rẫy và khai thác lâm sản trái phép; đồng bào có thêm thu nhập, ổn định đời sống; mối quan hệ giữa đồng bào với lực

lượng bảo vệ rừng ngày càng gắn bó, nhận thức của đồng bào về công tác quản lý, bảo vệ rừng được nâng lên.

Tuy nhiên, Tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND đã quy định khối lượng thực hiện giao khoán là 1.304 hộ/50.099,4 ha, bình quân hạn mức diện tích rừng nhận khoán bảo vệ là 38,42 ha/hộ, đây là mức khoán được thực hiện theo Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 27/5/2001 của Tỉnh ủy và thực hiện đến năm 2022 là hết thời gian giao khoán bảo vệ rừng theo hồ sơ đã được phê duyệt.

Từ năm 2023 trở đi lập hồ sơ phê duyệt thiết kế lại, với hạn mức không quá 30 ha/hộ theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND đã làm chênh lệch (tăng 356 hộ) so với số hộ được phê duyệt tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND.

Từ thực tế trên, ngày 28 tháng 6 năm 2023, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có Công văn số 322/HĐND-CTHĐ về việc cho ý kiến số hộ chênh lệch (tăng 356 hộ) so với số hộ được phê duyệt tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; theo đó có nêu *“Thường trực HĐND tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND để trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất”*.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 3123/VP-KT ngày 03/7/2023; theo đó, giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài Chính và các sở ngành, địa phương có liên quan khẩn trương nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại công văn nêu trên.

## **2. Kết quả rà soát và dự kiến một số nội dung sửa đổi, bổ sung**

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Dân tộc đã tiến hành rà soát và dự kiến một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 cần sửa đổi và bổ sung cho phù hợp với thực tế và tạo thuận lợi trong tổ chức thực hiện, cụ thể gồm:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau: Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh có nhận khoán bảo vệ rừng, trừ đối tượng áp dụng chính sách theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng được chi trả từ tiền dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính

phủ. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tăng, giảm số hộ nhận khoán bảo vệ rừng cụ thể trên cơ sở hồ sơ thiết kế được duyệt, đảm bảo hạn mức khoán theo quy định pháp luật hiện hành.

- Sửa đổi Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND (như phụ lục đính kèm).

- Sửa đổi bổ sung Điều 5 “**Nguồn kinh phí**” như sau:

+ Nguồn kinh phí thực hiện Chính sách đầu tư ứng trước và trợ cước vận chuyển giống, vật tư, tiêu thụ nông sản để hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số: Từ ngân sách tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách cho Ban Dân tộc tỉnh hàng năm.

+ Nguồn kinh phí thực hiện Chính sách khoán bảo vệ rừng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số: Từ ngân sách tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hàng năm.

### **3. Kiến nghị**

Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 là chính sách đặc thù, ngoài quy định của Trung ương thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 27 của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Căn cứ quy định từ Điều 111 đến Điều 126 của Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND phải thực hiện trình tự, thủ tục theo 02 bước, gồm: bước lập đề nghị xây dựng nghị quyết và bước soạn thảo nghị quyết.

Để đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; nhằm sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND cho phù hợp với thực tế, Ban Dân tộc tỉnh kính trình UBND tỉnh xem xét, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18/11/2022 về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 (theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 322/HĐND-CTHD ngày 28/6/2023).

Trên đây là Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề có liên quan đến Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất và khoán bảo vệ rừng cho vùng

đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 Ban Dân tộc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Ban;
- Lưu: VT, NV (Diện).

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Hồ Thị Kim Lệ**

**Phụ lục**  
**ĐỊA BÀN KHOÁN BẢO VỆ RỪNG CHO HỘ ĐỒNG BÀO**  
**DÂN TỘC THIỂU SỐ**

<b>Stt</b>	<b>Huyện</b>	<b>Địa bàn thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng cộng</b>			
<b>I</b>	<b>Huyện Tuy Phong</b>		
<i>1</i>		<b><i>BQLRPH Tuy Phong</i></b>	
		Xã Phan Dũng	
<i>2</i>		<b><i>BQLRPH Lòng Sông - Đá Bạc</i></b>	
		Thôn 3 - Phong Phú	
		Vĩnh Sơn - Vĩnh Hảo	
		Xã Phan Dũng	
<b>II</b>	<b>Huyện Bắc Bình</b>		
<i>1</i>		<b><i>BQLRPH Sông Mao</i></b>	
		Xã Phan Điền	
<i>2</i>		<b><i>BQLRPH Phan Điền</i></b>	
		Xã Phan Điền	
		Xã Phan Hòa	
<i>3</i>		<b><i>BQLRPH Sông Lũy</i></b>	
		Xã Phan Sơn	
<i>4</i>		<b><i>BQLRPH Cà Giây</i></b>	
		Xã Phan Lâm	
<b>III</b>	<b>Huyện Hàm Thuận Bắc</b>		
<i>1</i>		<b><i>BQLRPH Sông Quao</i></b>	
		Dân Hiệp - Thuận Hòa	
<i>2</i>		<b><i>BQLRPH Đông Giang</i></b>	
		Ku Kê - Thuận Minh	
<b>IV</b>	<b>Huyện Hàm Thuận Nam</b>		
<i>1</i>		<b><i>BQLRPH Sông Móng - Ca Pét</i></b>	
		Xã Hàm Cầm	
<i>2</i>		<b><i>BQLKBT Tà Kóu</i></b>	
		Thôn Chăm - Tân Thuận	
<b>V</b>	<b>Huyện Hàm Tân</b>		
<i>1</i>		<b><i>Công ty TNHH MTVLN Bình Thuận</i></b> <b><i>(Xí nghiệp Lâm nghiệp Hàm Tân)</i></b>	
		Xã Sông Phan	

<b>VI</b>	<b>Huyện Tánh Linh</b>		
<i>1</i>		<i>Cty TNHH MTVLN Sông Dinh</i>	
		Thôn 2 - Suối Kiệt	
<i>2</i>		<i>BQLRPH La Ngà</i>	
		Thôn 1 - Măng Tô	
<i>3</i>		<i>BQLRPH Trị An</i>	
		Thôn 1 - Măng Tô	
		Thôn 5 - Đức Phú	